

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 563A/2025/DS-PT

Ngày: 15-8-2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản
tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Đòi lại tài sản, tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 846/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Ông Dư H, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T – Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

Địa chỉ: P tòa nhà I, số D N, phường T, TP ..

- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Lưu L – Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

Địa chỉ: số F Ấp B, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dư Lê Quốc A, sinh năm 2004.

Địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: 1 L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Dư Quang Anh V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: A P, phường T, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dư H, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1960.

4. Anh Dư Quốc H1, sinh năm 1986. (có mặt)

5. Chị Dư Nguyễn Hoài L2, sinh năm 1992.

6. Chị Dư Nguyễn Tiểu Q, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà L1, anh H1, chị L2, chị Q: Ông Dư H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: A L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Bùi Thị Liên H2, sinh năm 1953.

Địa chỉ: A L, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1952.

Địa chỉ: A P, phường T, TP ..

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Dư Hòa; Bị đơn Lê Thị T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dư Lê Quốc A, Dư Quang Anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn ông Dư H trình bày:* Cụ Huỳnh Thị K có thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 312,4 m² tọa lạc tại đường Á, khu phố F, phường E, TP .., đã được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048 ngày 01/7/2004, trên đất có 03 căn nhà mang số 449 và 02 căn nhà mang số 449C. Năm 2005, cụ K có làm thủ tục xin phép xây dựng căn nhà 449C để ở an dưỡng tuổi già và có nơi thờ cúng tổ tiên. Vì không có đủ tiền xây dựng nên cụ K có nhờ ông Dư D1 và vợ là Bùi Thị Liên H2 vay số tiền 200.000.000 đồng và đã thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo khoản vay. Khi cụ K trả hết nợ thì ông Dư D1 lấy giấy đất về nhà giữ luôn cho đến khi ông Dư D1 chết (tháng 08/2013).

Năm 2008, khi xây nhà xong thì ông Dư D1 có xin cụ K về ở nhờ để dưỡng bệnh được cụ K đồng ý, lúc này bà Lê Thị T1 cũng về ở cùng với ông Dư D1 trong căn nhà này và chiếm nhà cho đến nay.

Nay ông Dư H khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà T1 trả lại 02 căn nhà số 449C cất trên phần đất có diện tích 176m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10;

- Buộc bà T1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048 ngày 01/7/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K;

- Chia di sản thừa kế của cụ K chết để lại là 03 căn nhà số D và 02 căn nhà số D; đối với thửa đất số 11 tờ bản đồ số 10, diện tích 312,4 m² là tài sản chung của hộ gia đình cụ K gồm có 06 người nên di sản của cụ K là 1/6 trong phần tài sản chung này và chia thừa kế.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T1 và anh Dư Lê Quốc A thì ông không đồng ý vì đó không phải là di sản thừa kế của cụ K.

** Bị đơn bà Lê Thị T1 có yêu cầu phản tố trình bày:*

Cụ Dư T2 và cụ Huỳnh Thị K là vợ chồng có 02 người con chung là ông Dư H và ông Dư D1. Trong thời gian chung sống cụ T2 và cụ K tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất phần đất diện tích 312,4m² tại đường Á, phường E, TP .. Năm 1985 cụ T2 chết, cụ K cất căn nhà kiên cố trên phần đất 136,15 m² mang số 449 do ông Dư H hiện đang quản lý. Phần diện tích đất còn lại 176,25 m² cụ K cho ông Dư D1 vào năm 2008. Bà và ông Dư D1 đã bỏ tiền ra để xây dựng trên phần đất này 02 căn nhà mang số 449C. Đến năm 2013, ông Dư D1 chết, bà và con là anh Dư Lê Quốc A quản lý hai căn nhà trên cho đến nay.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dư H thì bà không đồng ý và có yêu cầu phản như sau: Xác định căn nhà số D gắn liền với phần đất diện tích 136,15 m² do ông Dư H đang quản lý là di sản thừa kế của cụ K để lại; Yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ K; buộc ông Dư H phải chia ½ giá trị nhà và đất cho anh Dư Lê Quốc A.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Dư Quang Anh V và đại diện theo ủy quyền là ông Dư H trình bày: Anh V là con ruột của ông Dư D1 và mẹ là bà Trần Thị Ngọc S. Cụ Huỳnh Thị K chết có để lại di sản thừa kế gồm thửa đất số 11 tờ bản đồ số 10 diện tích 312,4 m² tại khu phố F, phường E, TP . và 05 căn nhà trên đất (03 căn nhà 449 và 02 căn nhà D).

Nay anh V yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ K để lại, anh V yêu cầu nhận bằng hiện vật.

- Anh Dư Lê Quốc A và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn D trình bày: Anh Quốc A là con của ông Dư D1 và bà Lê Thị T1. Trước đây anh Quốc A có đơn phản tố yêu cầu xác định căn nhà 449 gắn liền với phần đất 136,15 m² tọa lạc khu phố F, phường E, TP . là di sản thừa kế của cụ K chết để

lại. Ngoài di sản thừa kế này hiện nay anh Quốc A phát hiện được cụ K còn để lại di sản khác là phần đất diện tích 506,3 m² đất vườn thửa số 2 và phần đất 1.825 đất vườn + thổ tọa lạc khu phố G, phường E, TP . do cụ Huỳnh Thị K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004. Nguồn gốc đất là của cụ Dư T2 và cụ Huỳnh Thị K tạo lập. Cụ T2 và cụ K chết không để lại di chúc, chỉ có 02 người thừa kế là ông Dư D1 (chết năm 2013) và ông Dư H. Như vậy anh Quốc A là người thừa kế thế vị của ông Dư D1 nên được hưởng ½ di sản thừa kế nêu trên. Do đó, anh Quốc A yêu cầu ông Dư H phải chia cho anh ½ giá trị đất nêu trên tạm tính là 800.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, anh Dư Quốc H1, chị Dư Nguyễn Tiểu Q, chị Dư Nguyễn Hoài L2 có người đại diện theo ủy quyền là ông Dư H trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Dư H. Đối với yêu cầu độc lập của anh Dư Lê Quốc A yêu cầu chia phần đất tại thửa số 7 tờ bản đồ số 12 và thửa số 2 tờ bản đồ số 4 thì các đương sự không đồng ý chia vì đây là tài sản của ông Dư H đã được cụ K tặng cho.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 25 của Pháp lệnh Thừa kế; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 1995; điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 677 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dư H về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 trả lại căn nhà số A L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Dư Lê Quốc A về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2 để lại đối với các phần đất tại thửa số 7 tờ bản đồ số 12 diện tích 1.825 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01047.QSĐĐ/286/QĐ.UB (29/3/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho hộ bà Huỳnh Thị K; phần đất tại thửa số 2 tờ bản đồ số 4 diện tích 506,3 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046.QSĐĐ/286/QĐ.UB (29/3/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho hộ bà Huỳnh Thị K.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dư H. Buộc là Lê Thị T1 có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048.QSĐĐ/286/QĐ.UB (29/3/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho hộ bà Huỳnh Thị K cho ông Dư H.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dư Lê Quốc A về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Dư T2 và cụ Huỳnh Thị K.

5. Chia hiện vật như sau:

5.1. Chia cho anh Dư Lê Quốc A được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 173,4 m² trong đó có 61,75 m² đất ở đô thị và 112,55 m² đất vườn (phần ký hiệu 1 theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 20/4/2018) thuộc một phần của thửa đất số 11 tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048.QSDĐ/286/QĐ.UB (29/3/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho hộ bà Huỳnh Thị K, đất tọa lạc tại phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Có sơ đồ kèm theo)

5.2. Chia cho ông Dư H được sở hữu 03 (ba) căn nhà tại số A, A, A L, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với tài sản được chia.

6. Về hoàn giá trị:

6.1. Buộc anh Dư Lê Quốc A có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L3 Huê số tiền 234.440.641 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bốn mươi một đồng).

6.2. Buộc anh Dư Lê Quốc A có nghĩa vụ trả cho ông Dư H số tiền 588.398.463 đồng (Năm trăm tám mươi tám triệu ba trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

6.3. Buộc anh Dư Lê Quốc A có nghĩa vụ trả cho ông Dư H, bà Nguyễn Thị Ngọc L1, anh Dư Quốc H1, chị Dư Nguyễn Hoài L2, chị D2 Nguyễn Tiểu Q số tiền 772.952.828 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai triệu chín trăm năm mươi hai nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 15/01/2025, nguyên đơn Dư H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của TAND thành phố M. Yêu cầu cấp phúc thẩm Sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho ông Dư H được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 173,4m² thuộc một phần của thửa 11, tờ bản đồ số 10 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

- Ngày 10/01/2025, bị đơn Lê Thị T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của TAND thành phố M. Yêu cầu cấp phúc thẩm Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dư H về việc đòi lại tài sản và thừa kế tài sản đối với 02 căn nhà trên thửa đất có diện tích 173,4m² thuộc một phần của thửa 11, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 01048.QSDĐ/286/QĐ.UB do UBND thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho bà

Huỳnh Thị K. Công nhận quyền sử dụng phần đất trên là của bà T1 và anh Dư Lê Quốc A.

- Ngày 10/01/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Dư Lê Quốc A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của TAND thành phố M. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng công nhận căn nhà số D có diện tích 173,4m² thuộc một phần của thửa 11, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048.QSDĐ/286/QĐ.UB (29/3/2004) do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 01/7/2004 cho hộ bà Huỳnh Thị K tọa lạc tại phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) thuộc quyền sở hữu của anh Quốc A và bà Lê Thị T1. Chia cho anh Quốc A ½ giá trị tài sản trên.

- Ngày 15/01/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Dư Quang Anh V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm của TAND thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chia cho anh V được hưởng một phần di sản của ông Dư D1 theo tư cách là người thừa kế kế vị của ông Dư D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có nhiều tài liệu chứng cứ phát sinh mà chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Dư Quang A1 V kháng cáo và nộp kèm kết quả xét nghiệm AND xác định ông Dư H có quan hệ huyết thống theo dòng cha với anh Dư Quang A1 V. Ngày 08/8/2025 bà T1 cung cấp bản di chúc do cụ Huỳnh Thị K lập ngày 14/3/2008, nội dung cụ K định đoạt các thửa đất số 2, 7, 11 cho ông Dư H và ông Dư D1, di chúc được Phòng C tỉnh Tiền Giang chứng thực. Các tài liệu, chứng cứ này chưa được làm rõ khi xét xử sơ thẩm, việc phân chia di sản của cụ K theo bản án sơ thẩm không phù hợp với nội dung di chúc này, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà T1 trả lại 02 căn nhà số 449C cất trên phần đất có diện tích 176m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10; Trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01048 ngày 01/7/2004 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K; Chia di sản thừa kế của cụ K chết để lại là 03 căn nhà số D và 02 căn nhà số D và thửa đất số 11 tờ bản đồ số 10, diện tích 312,4m²; Bà T1 phản tố yêu cầu xác định căn nhà số D gắn liền với phần đất diện tích 136,15 m² do ông Dư H đang quản lý là di sản thừa kế của cụ K để lại; Yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ K; Buộc ông Dư H phải chia ½ giá trị nhà và đất cho anh Dư Lê Quốc A. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Đòi lại tài sản, tranh chấp về thừa kế tài sản*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 03/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố M (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp) xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm các ngày 10, 15/01/2025, các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các bên tranh chấp là các phần đất ở thửa số 11 diện tích 312,4m², thửa đất số 7, diện tích 1.825m², thửa đất số 2, diện tích 506,3m² do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho hộ cụ Huỳnh Thị K vào ngày 01/7/2004 và các căn nhà xây cất trên các phần đất này, đất tọa lạc tại phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp). Nguồn gốc các phần đất này là của cụ Dư T2 (chết 12/1985) và cụ Huỳnh Thị K (chết 13/8/2016). Cụ T2 và cụ K có 02 người con là ông Dư D1 (chết năm 2013) và ông Dư H.

Ông Dư D1 có 03 người vợ là bà Trần Thị Ngọc S, bà Bùi Thị Liên H2 và bà Lê Thị T1. Ông Dư D1 và bà S chung sống với nhau trước năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Từ năm 1980 ông Dư D1 chung sống với bà Bùi Thị Liên H2 tại Tiền Giang và được Ủy ban nhân dân phường E, thành phố M đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23/1980 ngày 09/5/1980. Đến năm 1995, ông D1 và bà H2 sống ly thân với nhau nhưng chưa ly hôn, sau đó ông D1 chung sống với nhau như vợ chồng với bà Lê Thị T1 và có một con chung, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và theo Án lệ số 41/2021/AL thì hôn nhân thực tế giữa ông D1 và bà S đã chấm dứt nên bà S không được hưởng di sản thừa kế của ông D1; hôn nhân giữa ông D1 với bà H2 là hợp pháp nên bà H2 được hưởng di sản thừa kế của ông D1; quan hệ hôn nhân giữa ông D1 và bà T1 không hợp pháp, không được công nhận bởi vì ông D1 chung sống với bà T1 khi đó quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông D1 và bà H2 chưa chấm dứt nên bà T1 không được hưởng di sản thừa kế của ông D1.

Cấp sơ thẩm nhận định: Ông Dư H và anh Dư Quang A1 V căn cứ vào giấy khai sinh của anh V có ghi họ tên cha là Dư D1 nên yêu cầu xác định anh V là con đẻ của ông Dư D1. Anh Quốc A cho rằng anh V không phải là con đẻ của ông Dư D1 vì từ trước đến nay anh không nghe ông Dư D1 nói có người con này, nên không có căn cứ xác định anh Dư Quang A1 V là con của ông Dư D1. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, anh Dư Quang A1 V cung cấp kết quả xét nghiệm AND xác định ông Dư H có quan hệ huyết thống theo dòng cha với anh Dư Quang A1 V, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu các bên thực hiện giám định AND giữa anh Dư Quang A1 V và anh Dư Lê Quốc A nhưng các bên không thực hiện. Khi giải quyết, cấp sơ thẩm nhận định cụ T2, cụ K chết không để lại di chúc nên phân chia các phần di sản của các cụ theo quy định của pháp luật, đồng thời cho rằng anh Dư Quang A1 V không được chia phần thừa kế. Đến ngày 08/8/2025 bà T1 cung cấp bản di chúc do cụ Huỳnh Thị K lập ngày 14/3/2008, nội dung cụ K định đoạt các thửa đất số 2, 7, 11 cho ông Dư H và ông Dư D1, di chúc được Phòng C tỉnh Tiền Giang chứng thực, các tài liệu, chứng cứ này chưa được làm rõ khi xét xử sơ thẩm. Một số tài liệu mà cấp sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án (do cụ K) lập trái với nội dung di chúc, việc phân chia di sản của cụ K theo bản án sơ thẩm, cũng không phù hợp với nội dung di chúc này, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Mặt khác, như đã phân tích ở phần trên bà Liên H2 là vợ hợp pháp của ông D1, cũng là hàng thừa kế thứ nhất của ông D1, cấp sơ thẩm không xem xét đến kỹ phần của bà được hưởng trong khối di sản của ông Dư D1 (thừa kế của ông D1 từ cụ T2: 234.440.641 đồng, công sức đóng góp phần di sản của cụ K: 211.715.517 đồng) mà chỉ tuyên buộc anh Quốc A trả cho bà H2 234.440.641 đồng là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H2.

Như đã phân tích trên, khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện chứng cứ của vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự bổ sung tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến kháng cáo của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực M – Đồng Tháp).

Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

H3 lại bà Lê Thị T1, anh Dư Lê Quốc A và anh Dư Quang Anh V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0005392, 0005391 ngày 14/01/2025 và 0005398 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Tháp).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 15/8/2025, có mặt ông H, Luật sư T, bà T1, ông D1, Luật sư L, anh H1, bà H2 và đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực M – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng